

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh An;
2. Ông Trần Văn Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Tây Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2025, về “*ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Biện Thị Hồng T, sinh năm: 1992, cư trú: Ấp C, xã P, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1986, cư trú: Ấp C, xã P, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Biện Thị Hồng T trình bày:

Chị T và anh C cưới nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Hôn nhân của anh chị là do mai mối. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn từ năm 2019-2020. Trong thời gian chung sống, anh C không lo lắng cho gia đình và con chung. Anh C bỏ nhà đi khoảng 04-05 lần, khi nào anh C cần thì mới liên lạc về, mỗi lần bỏ đi khoảng 03-05 tháng. Kinh tế trong gia đình do chị T lo, anh C có phụ tiền cơm cho mẹ chồng nhưng không thường xuyên. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 05 tháng nay. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh C

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/7/2012. Hiện con chung đang sống chung với mẹ, đang học lớp 8 trường tiểu học V1 ở xã P. Nếu Tòa án cho ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, mức cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh C trình bày: Anh C và chị T cưới nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Hôn nhân của anh chị do mai mối. Xuất phát từ việc anh C không có thu nhập thường xuyên nên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày là đúng, anh C thường xuyên bỏ đi. Vợ chồng không còn sống chung khoảng 05 tháng nay. Hiện chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn thì anh C không đồng ý ly hôn, muốn hòa giải đoàn tụ. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp để đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/7/2012. Hiện con chung đang sống chung với mẹ, đang học lớp 8 trường tiểu học V1 ở xã P. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh C thống nhất với sự lựa chọn của con muốn sống chung với ai thì anh tôn trọng. Mức cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, về nợ chung: Anh C xác định không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn và yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- Tây Ninh được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 của các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Chị T có văn bản xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T, anh C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 13/9/2011 do Ủy ban nhân dân xã P cấp thì anh C và chị T là vợ chồng hợp pháp.

[2.2] Anh C và chị T có đăng ký kết hôn. Hôn nhân dựa trên sự tự nguyện, thời gian đầu anh, chị sống chung hạnh phúc. Chị T và anh C thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do chị T trình bày là đúng. Xuất phát từ việc anh C không có thu nhập thường xuyên nên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng không sống chung khoảng 05 tháng nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng không có giải pháp đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/7/2012. Hiện con chung đang sống chung với chị T, đang học lớp 8 trường tiểu học V1 ở xã P. Anh C, chị T thống nhất với sự lựa chọn của con chung. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh P. Việc giao con chung là cháu P cho chị T nuôi dưỡng phù hợp với tâm tư, nguyện vọng thể hiện trong bản tự khai cháu P nộp tại Tòa.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh C xác định không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Biện Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007026, ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Biện Thị Hồng T đối với anh Nguyễn Quốc C.

1. *Về hôn nhân:* Chị Biện Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc C.

2. *Về con chung:* Chị Biện Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 05/7/2012, anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Biện Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007026, ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Án sơ thẩm, các đương sự vắng mặt kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7- Tây Ninh;
- THADS tỉnh T;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS huyện C;
- UBND xã đăng ký kết hôn
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tuyết N1n Thị Kim Cương Nguyễn Thị Thanh V

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã Phước Lại;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thanh Lâm

